



旁 边

pángbiān · bàng biên · bên cạnh

páng

丶 丿 ㇀ ㇀ ㇀ ㇀ ㇀ ㇀ ㇀ 旁 旁

旁 旁 旁 旁

biān

丿 力 ㇀ 𠂇 边

边 边 边 边